**BÀI 72: VẬN TỐC (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù:**

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học*: HS nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều (vận tốc trung bình); tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km /giờ), m/s (m/giây), m/phút; ước lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế.

*- Năng lực* *mô hình hoá toán học*: Biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi được chia cho thời gian trong một chuyển động đều); nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc.

*- Năng lực* *giải quyết vấn đề toán học*: Giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến vận tốc.

*- Năng lực* *giao tiếp toán học*: HS sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả các đơn vị đo vận tốc; diễn tả cách tính bài toán về vận tốc phù hợp với những tình huống cụ thể.

**2. Phẩm chất:**

Phát triển phẩm chất: *chăm chỉ* trong tính toán và làm bài; *trung thực* trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; *trách nhiệm* khi tham gia hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**- Giáo viên:** Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT; SGK, SGV Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều; Một số thông tin liên quan đến vận tốc, quãng đường, thời gian trong thực tế.

**- Học sinh:** Bảng con; SGK; Vở Bài tập Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| ***A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG*** | |
| - GV hỏi: Hãy kể các phương tiện giao thông mà em biết.  - GV chốt: Sự di chuyển, chuyển động của các phương tiện giao thông hay các sự vật khác là khác nhau.  - GV chiếu tranh ở SGK/58 cho HS quan sát và yêu cầu HS : Hãy quan sát tranh và nói cho bạn nghe về tình huống liên quan đến chuyển động của các sự vật trong tranh (chuyển động nào nhanh hơn, nhanh nhất, chậm hơn, chậm nhất).  - GV gọi đại điện một vài nhóm HS nêu tình huống của nhóm mình.  - GV giới thiệu bài: Mỗi một sự vật, đối tượng luôn có sự chuyển động nhanh, chậm khác nhau. Và có một đại lượng chỉ rõ sự nhanh, chậm của một chuyển động trong một đơn vị thời gian. Đại lượng đó là gì, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay qua bài: *Bài 72: Vận tốc (Tiết 1)* | - HS kể: ô tô, máy bay, xe đạp, xe máy, tàu hoả ...  - HS lắng nghe  - HS xem tranh minh hoạ ở SGK/58 và hỏi bạn cùng bàn về tình huống liên quan đến chuyển động của các sự vật trong tranh.  - Một vài nhóm nêu tình huống:  - HS lắng nghe |
| ***B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN******THỨC*** | |
| **Hoạt động 1: *Nhận biết về vận tốc (vận tốc trung hình) và đơn vị đo vận tốc trong chuyển động đều.***  - GV nêu tình huống (trong SGK/trang 58): “Một ô tô đi được quãng đường 216 km hết 4 giờ. Hỏi trung bình mỗi giờ, ô tô đó đi được bao nhiêu ki – lô - mét?”  - Gọi HS trả lời  - GV giới thiệu, gọi HS nhắc lại:  + Trong một giờ, ô tô đó đi được 54 km được gọi là vận tốc trung bình của ô tô. Vận tốc trung bình (hay gọi tắt là vận tốc) của ô tô đó là năm mươi tư ki-lô-mét trên giờ, viết là: *54 km/giờ.*  + Trong các bài toán, người ta thường xem xét các chuyển động luôn xảy ra với vận tốc không thay đổi (**chuyển động đều**).  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi đọc, viết một vài số đo vận tốc và nói cho bạn nghe thông tin biết được khi đọc các đơn vị đo vận tốc trong thực tế    - GV hỏi: *Ô tô đi từ Huế vào Đà Nẵng với vận tốc 48km/h có nghĩa là gì?*  - GV hỏi tương tự với 1 vài vận tốc khác trong thực tế.  - GV lưu ý HS đơn vị của vận tốc: *Hiện nay, đơn vị đo vận tốc phổ biến là m/giây, m/phút và km/giờ; ngoài ra, còn một số đơn vị khác như km/giây,…*  **Hoạt động 2: *Nhận biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi dược chia cho thời gian trong một chuyển động đều)***  - GV chiếu lại ví dụ trên và hỏi: Trong 1 giờ ô tô đó đi được bao nhiêu km, nghĩa là hỏi vận tốc của ô tô thì ta làm thế nào?  + 216 km là gì của bài toán?  \* GV nói: *216 km là đường đi của ô tô, tức là quãng đường ô tô đi được.*  + 4 giờ là gì của bài toán?  - GV hỏi: Thế muốn tính vận tốc của ô tô ta làm thế nào?  - GV giới thiệu:  *Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường chia cho thời gian.*  *Gọi vận tốc là* **v,** *quãng đường là* **s***, thời gian là* **t***, ta có:*  **v = s : t**  **Hoạt động 3: *Nhận biết đơn vị đo vận tốc***  - GV giới thiệu: Đối với đơn vị đo vận tốc “**km/giờ**”:  + Nếu quãng đường được xác định theo ki-lô-mét (km), thời gian được xác định theo giờ (h) thì đơn vị của vận tốc là ki-lô-mét trên giờ (**km/giờ** hoặc **km/h**).  + Viết là “**km/giờ**” hoặc “**km/h**”. Đọc là “**ki-lô-mét trên giờ**”.  - GV hỏi: Vậy đối với đơn vị đo vận tốc “**m/giây**” thì em hiểu thế nào?  - GV: “**m/giây**” viết là “**m/giây**” hoặc “**m/s**”. Đọc là “**mét trên giây**”.    - GV yêu cầu HS viết bảng con các vận tốc, ví dụ: *56 km/h*; *14 m/s* | - HS lắng nghe, đọc thầm.  - HS trả lời: Ta có 216 : 4 = 54 (km). Vậy trung bình mỗi giờ ô tô đó đi được 54 km.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát:  + 2-3 nối tiếp HS nhắc lại, lớp đọc thầm  - HS thảo luận nhóm đôi đọc, viết một vài số đo vận tốc và nói cho bạn nghe thông tin biết được khi đọc các đơn vị đo vận tốc trong thực tế *(chẳng hạn: 45 km/giờ; 345 km/giây; 38 m/giây; 2 m/giây)* hoặc *(Vận tốc trung bình của tàu thống nhất Bắc - Nam khoảng 71 km/giờ nghĩa là trung bình mỗi giờ đoàn tàu đó đi được 71 km.)*  - HS nhóm khác ước lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế và nhận xét  - HS trả lời: *Trung bình mỗi giờ ô tô đó đi được 48 km.*  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS trả lời  + 216 km là đường đi của ô tô  \* HS lắng nghe  + 4 giờ là thời gian ô tô đi được  - HS trả lời: Muốn tính vận tốc của ô tô ta lấy quãng đường ô tô đi chia cho thời gian ô tô đi.  - HS lắng nghe  - 2-3 HS nối tiếp nhắc lại, cả lớp đọc thầm  - HS quan sát, lắng nghe  - 2-3 HS nhắc lại, cả lớp đọc thầm để ghi nhớ tên, kí hiệu đơn vị đo vận tốc **km/h**  - HS trả lời: Đơn vị đo vận tốc “**m/giây**” nghĩa là quãng đường được xác định theo mét (**m**), thời gian được xác định theo giây (**s**) thì đơn vị của vận tốc là mét trên giây.  - HS quan sát, lắng nghe  - 2-3 HS nhắc lại, cả lớp đọc thầm để ghi nhớ tên, kí hiệu đơn vị đo vận tốc **m/s**  - HS viết bảng con và giải thích |
| ***C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP*** | |
| **\* Bài 1:**  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV hướng dẫn mẫu câu a: Một ô tô đi được 65 km trong một giờ, vận tốc của ô tô đó là bao nhiêu ki-lô-mét trên giờ (km/h)?  + Ô tô đi được quãng đường bao nhiêu?  + Ô tô đi trong bao nhiêu giờ?  + Vận tốc của ô tô là bao nhiêu?  - GV giới thiệu một cách nói khác về vận tốc: **Vận tốc** là **đại lượng** chỉ quãng đường đi được (65 km) trong một đơn vị thời gian. Đơn vị thời gian có thể là */ giờ*, */ phút* hay */ giây.*  - Yêu cầu HS làm câu b, câu c vào vở, 2 HS làm bảng    - GV chốt đáp án đúng | *-* HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS trả lời.  + Ô tô đi được quãng đường 65km  + Ô tô đi trong 1 giờ  + Vận tốc của ô tô là 65km/h  - HS lắng nghe  - 2 HS làm bảng, lớp làm vào vở:  + Vận tốc của viên bi là 9 cm/giây.  + Vận tốc chạy của Lân là 300 m/phút.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| ***D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM*** | |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi ***Phóng viên*** để củng cố bài học. Gọi HS nhận các câu hỏi:  + Vận tốc của ô tô là 42,5 km/giờ, nghĩa là gì?  + Trong một phút, người đi bộ đi được quãng đường 83 m, vận tốc của người đi bộ đó là bao nhiêu?  + Vận tốc của ánh sáng là 300 000 km/giây, nghĩa là gì?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *\* Dặn dò:* GV dặn HS về nhà tìm vận tốc của một số chuyển động trong thực tế để tiết sau chia sẻ với các bạn; nắm công thức tính vận tốc; luyện đọc, viết một số đơn vị đo vận tốc; chuẩn bị bài sau: *Bài 72: Vận tốc (Tiết 2).* | - Một HS đóng vai phóng viên hỏi, nhận các câu hỏi từ GV để hỏi cả lớp.  + Trong 1 giờ ô tô đi được quãng đường 42,5 km  + Vận tốc của người đi bộ đó là 83 m/phút.  + Trong 1 giây ánh sáng đi được quãng đường 300 000 km.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |